

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2017/HSST**.

Ngày: 22/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP.HCM.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2/ Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Minh Tuyền – Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Bình Chánh.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà:
Ông Đỗ Trọng Kiên -Kiểm sát viên.*

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 117/2017/HSST ngày 26/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Văn T**; Sinh năm 1961; Giới tính: Nam; Nơi sinh: An Giang; Nơi ĐKKHKT: 464/12 đường H, phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: không; Họ tên cha: Huỳnh Văn B (Chết); Họ tên mẹ: Huỳnh Thị N (Chết); Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ tên: Nguyễn Thị Bạch H, sinh năm: 1964, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án: Tiền sự: không;

Bắt tạm giam theo quyết định truy nã ngày 30/3/2017; Bị cáo, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Lưu Quế L, sinh năm: 1961; HKTT: 455/3A đường B, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Lưu Kiên M, sinh năm: 1948; HKTT: thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tạm trú: chung cư H, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Kim N, sinh năm: 1972; HKTT: 837A đường N, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: A33/16B xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3/ Bà Trần S, sinh năm: 1977; HKTT: 837A đường N, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: A33/16B xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4/ Bà Lưu Phụng H, sinh năm: 1973; HKTT: đường H, phường I, quận N, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Huỳnh Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào năm 2004 Huỳnh Văn T quen biết Lưu Kiến M (T quen biết với em vợ ông M) và được ông M cho ở nhờ trên phần đất theo quyết định số 146/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 26/5/1995. Phần đất trên thuộc tổ 26 ấp 1, xã C, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2004 đến năm 2006 (hai bên có thỏa thuận viết giấy ở nhờ đất). Năm 2006 do không thấy ông M đòi lại đất nên T cùng gia đình tiếp tục ở nhờ trên phần đất ông M.

Đến năm 2008 vợ T bị bắt do bán số đề nên T một mình nuôi hai con nhỏ không có việc làm nên phải mượn nợ dẫn đến không có khả năng chi trả. Lúc này T nảy sinh ý định bán nhà và mảnh đất của anh M cho T ở nhờ lấy tiền trả nợ và tiêu xài. T nhờ vợ chồng Nguyễn Kim N và Trần S tìm người mua nhà, đất đến gặp T để bán. Đến tháng 4/2008 vợ chồng N giới thiệu ông Lưu Quế L đến mua nhà đất của T với giá 240.000.000 đồng thì T đồng ý. Ngày 10/4/2008 ông L gặp T tại nhà N. Tại đây T nói mảnh đất mà T bán cho ông L do bà Nguyễn Thị H (người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) bán lại cho ông Phan Kiến M rồi ông Phan Kiến M bán lại cho T. T sẽ làm hợp đồng để bà H bán trực tiếp lại cho T để ông L dễ làm thủ tục sang tên. Ông L tin tưởng nên đưa 50.000.000 đồng để đặt cọc mua nhà, đất và hẹn 01 tuần sau sẽ giao đủ tiền.

Sau khi nhận tiền đặt cọc T làm giả “Giấy mua bán đất tay” với nội dung Phan Kiến M bán lại cho T mảnh đất giá 90.000.000 đồng và “Hợp đồng mua bán nhà đất” giữa Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị H ghi ngày 25/4/2005. Đến ngày 18/4/2008 ông L gặp T tiếp tục giao cho T số tiền 190.000.000 đồng còn lại tại nhà N có sự chứng kiến ông Lê Văn P. T giao lại cho L giữ “Giấy mua bán đất tay” với nội dung Phan Kiến M bán lại cho T mảnh đất giá 90.000.000 đồng và “Hợp đồng mua bán nhà đất” giữa Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị H ghi ngày 25/4/2005. Sau khi nhận tiền xong T cho vợ chồng N số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại T đã tiêu xài cho cá nhân và đã bỏ trốn cho đến ngày bị bắt theo lệnh truy nã.

Sau khi mua bán đất xong ông L đến nhận đất phát hiện phần đất trên không phải của T nên trình báo công an xã Bình Hưng. Công an xã Bình Hưng lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bình Chánh thụ lý theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh thì Huỳnh Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Ngày 10/11/2008 Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định số 575/KLGD-TT như sau:

2. Đối tượng gửi giám định:

2.1 Tài liệu cần giám định

- “Giấy thỏa thuận ở nhờ đất” ngày 22/3/2004 (ký hiệu A1);
- “Giấy bán đất tay” ngày 25/4/2005 (ký hiệu A2);
- 02 “hợp đồng mua bán nhà đất”: ngày 25/4/2005 (ký hiệu A3); ngày 18/10/2007 (ký hiệu A4)

2.2 Tài liệu mẫu so sánh:

- “Giấy mượn tiền” ngày 22/02/2000 (ký hiệu M1).
- “Bảng kê khai” ngày 17/3/2006 (ký hiệu M2).
- “Bản thu mẫu chữ ký” ngày 22/9/2008 (ký hiệu M3).

5. Kết luận giám định:

5.1 Chữ viết cần giám định trên các tài liệu ký hiệu từ A1 đến A4 (đã nêu ở mục 2.1, trừ phần chữ viết dưới mục “Bên B” và “Người làm chứng” trên tài liệu ký hiệu A4) là chữ do một người viết ra.

5.2 Chữ viết họ tên “Luu Kiến M” dưới mục “Người chủ miếng đất” trên tài liệu ký hiệu A1 và chữ viết họ tên “Phan Kiến M” dưới mục “Người bán” trên tài liệu ký hiệu A2 với chữ viết họ tên “Luu Kiến M” dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 (đã nêu ở mục 2.2) là chữ không do cùng một người viết ra.

5.3 Chữ ký đứng tên “Huỳnh Văn T” trên các tài liệu ký hiệu từ A1 đến A4 (đã nêu ở mục 201) là chữ ký do cùng một người ký ra.

5.4 Chữ ký cần giám định đứng tên “Luu Kiến M” trên các tài liệu ký hiệu A1 (đã nêu ở mục 2.1) với chữ ký đứng tên “Luu Kiến M” dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 (đã nêu mục 2.2) là chữ do cùng một người ký ra.

5.5 Chữ ký cần giám định đứng tên “Phan Kiến M” trên tài liệu ký hiệu A2 (đã nêu ở mục 2.1) có chuyển động ký khác dạng so với chữ ký đứng tên “Luu Kiến M” dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 (đã nêu ở mục 2.2) nên không tiến hành giám định.

Vật chứng vụ án: 01 bản kê khai công trình xây dựng vi phạm xin được tồn tại năm 2006; 01 giấy mượn tiền năm 2000; 01 giấy thỏa thuận ở nhờ đất giữa ông Luu Kiến M và Huỳnh Văn T; 01 giấy mua bán đất tay giữa ông Phan Kiến M và Huỳnh Văn T; 01 hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà Nguyễn Thị H và Huỳnh Văn T; 01 hợp đồng mua bán nhà đất giữa ông Luu Quế L và Huỳnh Văn T.

Tại bản Cáo trạng số 113/CTr – VKS ngày 12/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố Huỳnh Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Huỳnh Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị

cáo Huỳnh Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Lưu Quế L số tiền 240 triệu đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Huỳnh Văn T đã hoàn toàn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án...

Năm 2004 ông Lưu Kiến M có cho gia đình Huỳnh Văn T ở nhờ trên phần đất tại tổ 26, ấp 1, xã C, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh hai bên có làm thỏa thuận viết giấy ở nhờ. Năm 2008 do vợ bị cáo T bị bắt và bị cáo T mượn tiền để sinh sống và không có khả năng chi trả nên bị cáo đã nảy sinh ý định bán miếng đất mình đang ở nhờ của ông Lưu Kiến M nên bị cáo T đã nhờ vợ chồng Nguyễn Kim N và Trần S giới thiệu người để bán miếng đất nói trên, sau khi vợ chồng Nguyễn Kim N và Trần S giới thiệu ông Lưu Quế L đến mua miếng đất với giá 240 triệu đồng thì T đồng ý và cho ông L xem giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Thị H, và nói dối là phần đất trên ông Phan Kiến M đã bán cho T và T hứa sẽ làm giấy tờ lại để ông L có thể làm thủ tục sang tên. Ông L tin tưởng đã đặt cọc trước cho T 50 triệu đồng tiền mua nhà, đất. sau khi nhận tiền T làm giả “giấy mua bán đất” giữa ông Phan Kiến M và Huỳnh Văn T, “hợp đồng mua bán nhà đất” giữa bà Nguyễn Thị H và Huỳnh Văn T. sau khi làm giả các giấy tờ trên thì 18/4/2008 Huỳnh Văn T gặp ông Lưu Quế L làm hợp đồng mua bán nhà và T nhận 190 triệu đồng và sau đó bỏ trốn.

Với những tình tiết chứng minh trên đủ cơ sở kết luận bị cáo Huỳnh Văn T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tội phạm của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội. Bị cáo nhận thức được điều này, nhưng do tính tư lợi cá nhân, tham lam ích kỷ, muốn hưởng thụ trên công sức của người khác nên cố ý phạm tội. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa những hành vi tương tự.

Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 240 triệu đồng của bị hại Lưu Quế L, đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự. Như vậy cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng, bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã đây là tình tiết hội đồng xét xử cần lưu ý khi lượng hình.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã tỏ thái độ thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình,

bị cáo đang bị bệnh tai biến, nghĩ có chiều cố giảm nhẹ phần nào khi quyết định hình phạt đối với bị cáo theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: 01 bản kê khai công trình xây dựng vi phạm xin được tồn tại năm 2006; 01 giấy mượn tiền năm 2000; 01 giấy thỏa thuận ở nhờ đất giữa ông Lưu Kiến M và Huỳnh Văn T; 01 giấy mua bán đất tay giữa ông Phan Kiến M và Huỳnh Văn T; 01 hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà Nguyễn Thị H và Huỳnh Văn T; 01 hợp đồng mua bán nhà đất giữa ông Lưu Quế L và Huỳnh Văn T. xét đây là những tài liệu liên quan đến vụ án nên bảo lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên Tòa hôm nay bị hại Lưu Quế L vắng mặt, dù triệu tập hợp lệ, nhưng qua nghiên cứu hồ sơ thì bị hại Lưu Quế L yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn T bồi thường số tiền 240 triệu đồng. xét thấy yêu cầu của bị hại Lưu Quế L có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận. buộc bị cáo Huỳnh Văn T bồi thường cho ông Lưu Quế L số tiền 240 triệu đồng.

Ở dạng tội phạm này, ngoài hình phạt tù ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy hoàn cảnh và khả năng nộp phạt nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Huỳnh Văn T** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

Về vật chứng: Bảo lưu hồ sơ vụ án 01 bản kê khai công trình xây dựng vi phạm xin được tồn tại năm 2006; 01 giấy mượn tiền năm 2000; 01 giấy thỏa thuận ở nhờ đất giữa ông Lưu Kiến M và Huỳnh Văn T; 01 giấy mua bán đất tay giữa ông Phan Kiến M và Huỳnh Văn T; 01 hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà Nguyễn Thị H và Huỳnh Văn T; 01 hợp đồng mua bán nhà đất giữa ông Lưu Quế L và Huỳnh Văn T.

- Về dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 357, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Huỳnh Văn T có trách nhiệm bồi thường cho ông Lưu Quế L số tiền 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu bị cáo Huỳnh Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 12.000.000 (mười hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận toàn sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án TP.HCM;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Chi cục thi hành án DS H. Bình Chánh;
- Sở Tư pháp, Tp.HCM;
- Lưu HS;
- Công an PC53.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quý